

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: /KH-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

Xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định

I. KHUNG KẾ HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG

TT	Lĩnh vực, đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Tên quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Cơ quan, tổ chức biên soạn QCĐP	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến (đồng)			Cơ quan, tổ chức đề nghị
				Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	NSNN	Nguồn khác	
1	Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định	Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định QCĐP:2020/BĐ	Sở Y tế	2020	2020	394.770.000			
2	Công tác quản lý quy chuẩn kỹ thuật địa					18.000.000			

	phương								
	Tổng cộng					412.770.000			
	<i>Bằng chữ: Bốn trăm mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn</i>								

(Chi tiết tại phụ lục I)

II. BẢN THUYẾT MINH KẾ HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03/8/2009 của Chính phủ Sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;
- Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
- Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;
- Thông tư số 30/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;
- Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;
- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập;
- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;
- Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ngày 03/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước

trong lĩnh vực hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Nghị quyết số 86/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về việc quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 về việc Ban hành quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về việc quy định một số mức chi đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định nhằm đáp ứng những mục tiêu sau: Đảm bảo an toàn, đảm bảo vệ sinh, sức khỏe, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, bảo vệ động, thực vật, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và dùng để chứng nhận hoặc công bố hợp quy.

3. Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý trong lĩnh vực, đối tượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù hoặc yêu cầu cụ thể về môi trường của địa phương

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Định có 35 cơ sở cấp nước tập trung, Trong đó: 30 cơ sở cấp nước có quy mô từ 500 hộ gia đình trở lên, 05 cơ sở cấp nước có quy mô dưới 500 hộ gia đình. Đặc điểm chất lượng nguồn nước nguyên liệu đầu vào của các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh Bình Định chủ yếu dùng nguồn nước ngầm làm nguyên liệu sản xuất nước sạch. Lượng nước ngầm khai thác phục vụ sinh hoạt tại các đơn vị cấp nước tập trung được khai thác từ sông Hà Thanh, sông Kôn, sông Lại Giang... và kết quả thử nghiệm đầu vào của các đơn vị cấp nước thì 02 thông số Sắt (Fe), Mangan (Mn) luôn có hàm lượng cao; thông số Độ cứng CaCO_3 ảnh hưởng lớn đến sức khỏe con người và trong sinh hoạt hàng ngày.

Các cơ sở cấp nước trên địa bàn tỉnh đang hoạt động phân bố hầu hết huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, chủ yếu khai thác nguồn nước sông. Từ trước đến nay việc quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng nước của các cơ sở cấp nước này tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống (QCVN 01:2009/BYT) theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QCVN 02:2009/BYT) theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế, tùy theo quy mô cung cấp của các đơn vị cấp nước. Hiện nay Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 41/2018/TT-BYT, ngày 14/12/2018 về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra giám

sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt quy định chất lượng nước ăn uống sinh hoạt, trong đó quy định Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01/7/2021. Do đó, việc xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của tỉnh là rất cần thiết và phải thực hiện ngay.

4. Xác định nhu cầu xây dựng quy chuẩn địa phương cho các lĩnh vực, đối tượng đặc thù và yêu cầu môi trường của địa phương

Từ thực tế trên cho thấy việc hướng dẫn, xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương là nhiệm vụ cần thiết, trọng tâm trong chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, buôn bán, bán lẻ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh đảm bảo yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa đặc thù, an toàn trong dịch vụ môi trường. Đồng thời, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

5. Xác định lĩnh vực, đối tượng cụ thể cần xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương và loại quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Căn cứ vào tình hình thực tế trong công tác quản lý nhà nước tại địa phương, việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo tinh thần của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật trong năm 2020 rất cần phải xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của tỉnh.

- Đối tượng áp dụng: Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, buôn bán, bán lẻ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh (sau đây gọi tắt là đơn vị cấp nước).

6. Dự kiến về khả năng nguồn kinh phí và kinh phí thực hiện

- Dự kiến kinh phí hoạt động quản lý và kinh phí xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương năm 2020 (*chi tiết tại phụ lục I kèm theo*): 412.770.000 đồng (bốn trăm mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn), trong đó:

+ Kinh phí xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương năm 2020: 394.770.000 đồng.

+ Kinh phí hoạt động trong công tác quản lý: 18.000.000 đồng.

- Kinh phí hoạt động và xây dựng quy chuẩn được sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh.

- Việc sử dụng kinh phí xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính.

7. Dự kiến thời gian thực hiện

Thời gian dự kiến xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương đến tháng 12/2020 *(chi tiết tại phụ lục II kèm theo)*.

8. Kiến nghị biện pháp thực hiện

- Các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân liên quan cùng tham gia phối hợp, góp ý nhằm xây dựng, rà soát chương trình hoạt động và đánh giá việc thực hiện.

- Tổ chức thẩm tra, thẩm định dự án quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo đúng quy định pháp luật và đề xuất cấp có thẩm quyền tỉnh, phê duyệt quy chuẩn để triển khai thực hiện.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế:

- Cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập ban soạn thảo để soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan triển khai tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định.

- Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, cơ quan, đơn vị tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh năm 2020 để tổ chức triển khai Kế hoạch.

- Phân bổ kinh phí thực hiện việc xây dựng, ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Bình Định theo quy định;

- Hướng dẫn quản lý sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là đầu mối phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định.

- Tổ chức việc tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

4. Sở Tư pháp

Tổ chức thẩm định dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định đảm bảo chất lượng, nội dung, hình thức dự thảo trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.

5. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan: Tham gia góp ý dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Bình Định.

Trên đây là Kế hoạch Xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định, trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Y tế để phối hợp giải quyết. Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này./.

*** Nơi nhận:**

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Chính phủ; - Bộ Y tế; - Bộ Khoa học và công nghệ; - Cục Y tế dự phòng; - Viện Pasteur Nha trang; - TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh; - Các sở, ban ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các tổ chức, cá nhân - Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh; - Chủ tịch, PCT Nguyễn Tuấn Thanh; - CVP, PVP VX; - Lưu VP, K9, K15. | <div style="border-left: 1px solid black; padding-left: 10px;">(báo cáo)</div> <div style="border-left: 1px solid black; padding-left: 10px;">(để thực hiện)</div> |
|--|--|

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục I
DỰ TOÁN KINH PHÍ
XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO
MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

STT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng/ Số lần, lớp...	Số người, lần...	Số ngày/tháng	Mức chi	Thành tiền (VND)	Căn cứ pháp lý
I	Nội dung chi trực tiếp cho việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương						394.770.000	
1	Lấy mẫu xét nghiệm nước tại 30 cơ sở cấp nước						372.270.000	
1.1	<i>Chi phí xét nghiệm chất lượng nước sạch để kiểm nghiệm, phân tích: 74 chỉ tiêu (25 chỉ tiêu còn lại do Viện Pasteur Nha Trang hỗ trợ xét nghiệm)</i>	mẫu	30			11.709.000	351.270.000	Thông tư số 240/TT-BTC
1.2	<i>Xăng xe</i>						10.000.000	Chi theo thực tế
1.3	<i>Phụ cấp công tác phí</i>	đợt	1	2	10	100.000	2.000.000	Mục c, Khoản 2, điều 3 Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND
1.4	<i>Chi phí bảo quản mẫu và gửi mẫu xét nghiệm</i>	mẫu	30			300.000	9.000.000	Chi theo thực tế

2	Tổ chức hội thảo chuyên đề lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của quy chuẩn kỹ thuật						22.500.000	
2.1	Hỗ trợ tiền thuê hội trường, trang thiết bị, dọn dẹp, vệ sinh ,...	cuộc	3	1	1	2.000.000	6.000.000	Khoản 1, Điều 11, Thông tư số 40/2017/TT-BTC
2.2	Báo cáo viên	cuộc	3	2	1	1.000.000	6.000.000	Mục i, Khoản 1, Điều 5, Thông tư số 27/2020/TT-BTC
2.3	Nước uống	cuộc	3	50	1	40.000	6.000.000	Nghị quyết số 86/2017/NQ-HĐND
2.4	Tài liệu cho đại biểu dự họp	cuộc	3	50	1	30.000	4.500.000	Khoản 2, Điều 11, Thông tư số 40/2017/TT-BTC
II	Hoạt động phục vụ công tác quản lý Quy chuẩn kỹ thuật địa phương						18.000.000	
1	Văn phòng phẩm, chi phí in ấn, photo tài liệu liên quan đến việc thực hiện công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động xây dựng QCKTĐP	dự án	1			3.000.000	3.000.000	Chi thực tế theo Mục g, Khoản 1, Điều 5, Thông tư số 27/2020/TT-BTC

2	Chi in ấn tài liệu QCKTĐP sau khi ban hành để phục vụ công tác cấp phát tuyên truyền	bộ	500			30.000	15.000.000	Chi thực tế theo Mục g, Khoản 1, Điều 5, Thông tư số 27/2020/TT-BTC
	TỔNG CỘNG						412.770.000	

(Bằng chữ: Bốn trăm mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn)

Phụ lục II
THỜI GIAN DỰ KIẾN XÂY DỰNG QUỸ CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG

[illegible]

3	Triển khai các công việc theo Đề cương và dự toán được phê duyệt								
3.1	Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập số liệu liên quan để phục vụ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương								Báo cáo kết quả thu thập số liệu, điều tra, khảo sát.
3.2	Lấy mẫu nước để kiểm nghiệm, phân tích để phục vụ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương								Báo cáo kết quả phân tích chất lượng nước
3.3	Xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương và thuyết minh quy chuẩn kỹ thuật địa phương (lần 1)								Bản dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương và thuyết minh quy chuẩn kỹ thuật địa phương
3.4	Tổ chức hội thảo tham vấn trực tiếp lấy ý kiến quy chuẩn kỹ thuật địa phương (dự kiến 02 hội thảo tham vấn)								02 Bảng tổng hợp ý kiến sau 02 lần Hội thảo.
3.5	Chỉnh sửa quy chuẩn kỹ thuật địa phương và thuyết minh quy chuẩn kỹ thuật địa phương sau 02 lần Hội thảo (Dự thảo lần 1, lần 2)								02 Bảng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương và thuyết minh quy chuẩn kỹ thuật địa phương

									được chỉnh sửa
3.6	Tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ngành, địa phương và các đối tượng liên quan trực tiếp chịu tác động của quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương và thuyết minh quy chuẩn kỹ thuật địa phương								Bảng tổng hợp ý kiến
3.7	Chỉnh sửa và hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương và thuyết minh quy chuẩn kỹ thuật địa phương (lần 3)								Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương và thuyết minh quy chuẩn kỹ thuật địa phương (lần 3)
3.8	Thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương								Báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định quy chuẩn kỹ thuật địa phương
3.9	Đề nghị Bộ Y tế cho ý kiến đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương (lần 3)								- Văn bản của UBND tỉnh đề nghị Bộ Y tế. - Văn bản đồng ý của Bộ Y tế đối với dự thảo quy

									chuẩn kỹ thuật địa phương
3.10	Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương (lần 4)								- Quyết định ban hành kèm theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

Ghi chú: Thời gian thực hiện

